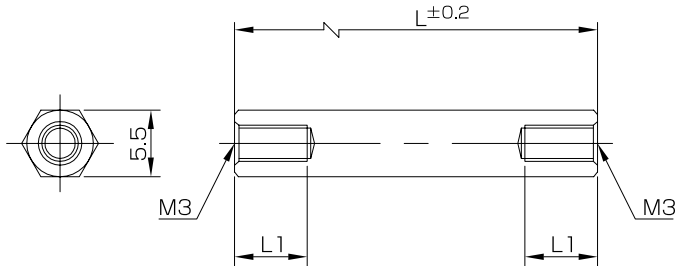


材質：快削ステンレス (SUS303)
RoHS 対応品

TP-516-

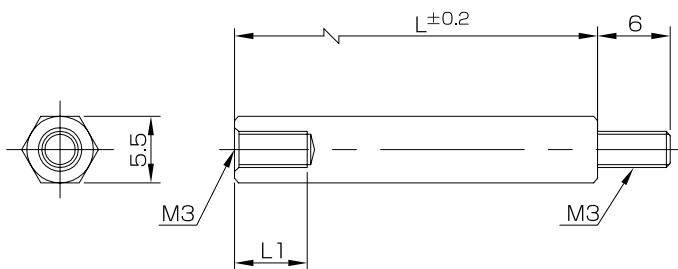


●寸法表

最少注文数 10ヶ

品番	L	L1	品番	L	L1	品番	L	L1	品番	L	L1
TP-516-3	3	全ネジ	TP-516-12	12	全ネジ	TP-516-21	21	6	TP-516-30	30	6
TP-516-4	4	全ネジ	TP-516-13	13	6	TP-516-22	22	6	TP-516-35	35	6
TP-516-5	5	全ネジ	TP-516-14	14	6	TP-516-23	23	6	TP-516-40	40	6
TP-516-6	6	全ネジ	TP-516-15	15	6	TP-516-24	24	6	TP-516-45	45	6
TP-516-7	7	全ネジ	TP-516-16	16	6	TP-516-25	25	6	TP-516-50	50	6
TP-516-8	8	全ネジ	TP-516-17	17	6	TP-516-26	26	6	TP-516-55	55	6
TP-516-9	9	全ネジ	TP-516-18	18	6	TP-516-27	27	6	TP-516-60	60	6
TP-516-10	10	全ネジ	TP-516-19	19	6	TP-516-28	28	6			
TP-516-11	11	全ネジ	TP-516-20	20	6	TP-516-29	29	6			

TP-517-



●寸法表

最少注文数 10ヶ

品番	L	L1	品番	L	L1	品番	L	L1	品番	L	L1
TP-517-4	4	2	TP-517-13	13	6	TP-517-22	22	6	TP-517-35	35	6
TP-517-5	5	3	TP-517-14	14	6	TP-517-23	23	6	TP-517-40	40	6
TP-517-6	6	4	TP-517-15	15	6	TP-517-24	24	6	TP-517-45	45	6
TP-517-7	7	5	TP-517-16	16	6	TP-517-25	25	6	TP-517-50	50	6
TP-517-8	8	6	TP-517-17	17	6	TP-517-26	26	6	TP-517-55	55	6
TP-517-9	9	6	TP-517-18	18	6	TP-517-27	27	6	TP-517-60	60	6
TP-517-10	10	6	TP-517-19	19	6	TP-517-28	28	6			
TP-517-11	11	6	TP-517-20	20	6	TP-517-29	29	6			
TP-517-12	12	6	TP-517-21	21	6	TP-517-30	30	6			